

## PHẦN II. CÁC VĂN BẢN KHÁC

### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 490/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2008

#### QUYẾT ĐỊNH

về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội  
đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050

#### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày  
25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP  
ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính  
phủ về quy hoạch xây dựng;*

*Xét đề nghị của Bộ Xây dựng tại Tờ  
trình số 11/TTr-BXD ngày 06 tháng 3  
năm 2008 về việc phê duyệt Quy hoạch  
xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm  
2020 và tầm nhìn đến năm 2050,*

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch xây  
dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2020

và tầm nhìn đến năm 2050 với những nội  
dung chính như sau:

##### 1. Mục tiêu phát triển:

Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế của  
vùng Thủ đô Hà Nội nhằm phát triển Thủ  
đô Hà Nội có đủ chức năng và vị thế của  
một trung tâm đô thị hiện đại trong khu  
vực Đông Nam Á và châu Á; giải quyết  
những bất cập, mâu thuẫn đang tồn tại  
ảnh hưởng tới quá trình phát triển chung  
cho cả vùng Thủ đô Hà Nội. Phát triển  
hài hòa, nâng cao chất lượng hệ thống đô  
thị trong vùng nhằm giảm sự tập trung  
vào Thủ đô Hà Nội trên cơ sở xây dựng  
hệ thống hạ tầng kỹ thuật diện rộng cấp

vùng, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, bảo đảm phát triển bền vững cho toàn vùng.

## 2. Tầm nhìn đến năm 2050:

Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2050 sẽ là vùng kinh tế tổng hợp lớn của quốc gia và khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Là khu vực phát triển năng động, có chất lượng đô thị cao, môi trường đầu tư thuận lợi, phát triển bền vững. Đồng thời là trung tâm chính trị, văn hóa - lịch sử, khoa học, giáo dục - đào tạo và du lịch lớn của cả nước.

## 3. Phạm vi lập quy hoạch:

Phạm vi lập quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính Thủ đô Hà Nội và 7 tỉnh: Hà Tây, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Bắc Ninh, Hải Dương, Hà Nam và Hòa Bình với diện tích tự nhiên khoảng 13.436 km<sup>2</sup>, bán kính ảnh hưởng từ 100 - 150 km. Phạm vi nghiên cứu bao gồm cả vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và các khu vực liên quan đến không gian phát triển kinh tế xã hội của vùng trong tầm nhìn hướng tới năm 2050.

## 4. Dự báo dân số:

### a) Dân số toàn vùng:

- Hiện trạng dân số toàn vùng năm 2006: 12,462 triệu người.

- Dự kiến đến năm 2010: 13,2 - 13,5 triệu người.

- Dự kiến đến năm 2020: 14,5 - 15,0 triệu người.

- Tầm nhìn đến năm 2050: 18 - 18,2 triệu người.

### b) Dân số đô thị:

- Dân số đô thị toàn vùng năm 2006: 3,26 triệu.

- Dự kiến đến năm 2010: 4,1 - 4,5 triệu người.

- Dự kiến đến năm 2020: 8,1 - 9,2 triệu người.

- Tầm nhìn đến năm 2050: 14,4 - 15,4 triệu người.

### c) Tỷ lệ đô thị hóa:

- Năm 2006: 26,17% (toàn quốc 27,12%).

- Năm 2010 đạt 30 - 35%.

- Năm 2020 đạt khoảng 55 - 62,5%.

- Tầm nhìn đến 2050: 80 - 85%.

## 5. Quy hoạch sử dụng đất:

- Hiện trạng: diện tích đất tự nhiên toàn vùng Thủ đô là 1.343.600 ha (13.436 km<sup>2</sup>).

- Năm 2010: đất xây dựng đô thị khoảng 55.110 ha chiếm 4,12% diện tích tự nhiên, bình quân 135 m<sup>2</sup>/người, trong đó đất công nghiệp trên 6200 ha, đất xây

dựng các điểm dân cư nông thôn khoảng 59.000 - 60.000 ha.

- Năm 2020: đất xây dựng đô thị khoảng 111.500 ha, bình quân 120 m<sup>2</sup>/người, trong đó đất xây dựng công nghiệp khoảng 15.000 - 24.000 ha. Đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn khoảng 45.000 - 50.000 ha.

- Tầm nhìn năm 2050: đất xây dựng đô thị khoảng 172.800 ha, bình quân 115 m<sup>2</sup>/người, trong đó đất xây dựng công nghiệp khoảng 32.000 - 34.000 ha. Đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn khoảng 24.000 - 33.000 ha.

6. Định hướng phát triển không gian vùng:

a) Các định hướng chính phát triển vùng Thủ đô:

- Vùng Thủ đô Hà Nội phát triển theo hướng vùng đô thị đa cực tập trung: liên kết không gian giữa thành phố Hà Nội (vùng đô thị hạt nhân trung tâm gắn với vùng phụ cận) và các tỉnh xung quanh (vùng phát triển đối trọng), trong đó các đô thị tỉnh lỵ là các hạt nhân của vùng phát triển đối trọng. Phương hướng phát triển của vùng là thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của các đô thị tỉnh lỵ nhằm phát huy vai trò, tiềm năng, thông qua việc phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xã hội, giảm sự tập trung quá tải vào thành phố Hà Nội.

- Đô thị hạt nhân: Thủ đô Hà Nội đóng vai trò chủ đạo của vùng, chủ yếu tập trung các trung tâm chính trị, hành chính, văn hóa, thương mại, tài chính, dịch vụ, công nghệ cao, các cơ quan nghiên cứu và là một trung tâm du lịch của toàn vùng và quốc gia.

- Vùng phụ cận Hà Nội được xác định trong phạm vi xung quanh Hà Nội hiện hữu.

- Vùng đô thị hóa mạnh bao gồm không gian các đô thị công nghiệp - dịch vụ phát triển nối kết về phía Đông không gian các đô thị du lịch - đào tạo công nghệ cao phát triển nối kết về phía Tây của vùng, hình thành các trục không gian kinh tế - đô thị đối trọng Đông - Tây.

- Vùng động lực phát triển kinh tế, công nghiệp, dịch vụ tập trung trên trục kinh tế giữa đô thị hạt nhân thành phố Hà Nội với thành phố Hải Phòng và thành phố Hạ Long, trong đó đô thị Hải Dương đóng vai trò đô thị trung tâm cấp vùng, phát triển công nghiệp nhẹ, kỹ thuật cao và hỗ trợ phát triển các loại công nghiệp chế biến của vùng đồng bằng phía Nam - Đông Nam đồng bằng sông Hồng.

- Các đô thị trung tâm tỉnh phát triển quy mô và chất lượng đô thị với đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội - kỹ thuật gắn các vùng công nghiệp - dịch vụ xung

quanh đô thị để tăng sức hút phát triển đô thị. Phát triển giao thông liên đô thị gắn kết với đô thị hạt nhân trung tâm và tạo khung phát triển chính cho vùng đối trọng. Lựa chọn các đô thị lớn cấp trung tâm vùng là thành phố Hải Dương, Hòa Bình, Vĩnh Yên, trong đó quan tâm thúc đẩy vai trò của thành phố Hải Dương tương lai là một đô thị lớn.

- Các đô thị trung bình và nhỏ phát triển gắn với các vùng nông nghiệp và là các trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nông thôn, tạo sức hút lao động tại chỗ.

- Bảo vệ những khu vực tự nhiên (không xây dựng và phát triển đô thị), bao gồm: các vùng thấp trũng lưu vực ven các dòng sông, các vùng xả lũ, những tuyến đê và các vùng giới hạn xây dựng, các vùng cảnh quan, di tích văn hóa lịch sử quốc gia trong vùng Hà Nội và các tiểu vùng nông nghiệp chính của các tỉnh.

- Nghiên cứu mở rộng ranh giới Thủ đô Hà Nội để tạo quỹ đất phát triển các công trình trọng điểm quốc gia, bao gồm: Trung tâm hành chính quốc gia phát triển các đô thị mới, các trung tâm dịch vụ du lịch, nghiên cứu đào tạo và các hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao, nhằm giải tỏa các khu công nghiệp, các công trình gây ô nhiễm ra khỏi Hà Nội.

b) Tổ chức phát triển không gian vùng Thủ đô Hà Nội:

Không gian vùng Thủ đô được phân thành 2 phân vùng chính:

Vùng đô thị hạt nhân và phụ cận.

Vùng phát triển đối trọng.

- Vùng đô thị hạt nhân và phụ cận: vùng đô thị hạt nhân là Thủ đô Hà Nội mở rộng lựa chọn các loại hình phát triển kinh tế, kiểm soát gia tăng dân số và đất đai, hướng tập trung hình thành các trung tâm thương mại tài chính lớn của quốc gia, các khu nghiên cứu - đào tạo công nghệ cao, trung tâm văn hóa lớn. Giai đoạn tới thúc đẩy các vùng có tiềm năng phát triển mở rộng thủ đô, thông qua việc phát triển một số trung tâm vệ đô thị, du lịch, nghiên cứu đào tạo và các hoạt động lĩnh vực công nghệ cao, hạn chế công nghiệp tập trung lớn và kiểm soát bảo vệ môi trường.

Vùng phụ cận trong phạm vi 25 - 30 km có chức năng hỗ trợ phát triển và mở rộng đô thị trung tâm, là các vùng giao thoa, lan tỏa sự phát triển giữa Thủ đô Hà Nội và các tỉnh lân cận. Vai trò của các khu vực này là tạo các vành đai xanh cung cấp các sản phẩm nông nghiệp, thực phẩm cho Thủ đô, đồng thời phát triển các ngành tiểu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống và dịch vụ du lịch văn hóa, sinh thái v.v...

- Vùng phát triển đối trọng trong phạm vi 30 - 60 km, hình thành theo 3 phân vùng lớn với các trung tâm tinh lý là các hạt nhân phát triển.

+ Vùng đối trọng phía Tây của Thủ đô Hà Nội: là Hòa Bình có địa hình bán sơn địa, cảnh quan thiên nhiên phong phú, đa dạng có nhiều tiềm năng để phát triển các khu du lịch, nghỉ dưỡng, làng văn hóa v.v... Đồng thời có thể bố trí các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật.

+ Vùng đối trọng phía Đông và Đông Nam: bao gồm các tỉnh đồng bằng chuyển tiếp giữa vùng đồng bằng sông Hồng với vùng duyên hải Bắc Bộ như: Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương và Hà Nam. Vùng này nằm trên các trục kinh tế nối Thủ đô Hà Nội với các cảng biển Bắc Bộ, có tiềm năng phát triển nông nghiệp và công nghiệp.

+ Vùng đối trọng phía Bắc - Đông Bắc: gồm các khu vực phía Bắc sông Hồng và dọc theo hành lang trục đường 18, chủ yếu là vùng bán sơn địa thuộc tỉnh Vĩnh Phúc. Tại đây có tiềm năng về quỹ đất gò đồi để hình thành các khu vực công nghiệp - dịch vụ đô thị.

c) Phát triển hệ thống dân cư, đô thị và các dịch vụ hạ tầng xã hội:

Đảm bảo phát triển theo hướng bền vững với nguyên tắc tầng bậc, tập trung tại các trung tâm đô thị và xung quanh,

tiết kiệm đất đai và đầu tư các dịch vụ hạ tầng, nâng cao chất lượng và sức thu hút về dịch vụ hạ tầng, nhà ở và việc làm cho các đô thị trong vùng.

- Hệ thống đô thị được phân như sau:

+ Thủ đô Hà Nội: hướng phát triển không gian theo ba khu vực:

. Khu vực đô thị phía Nam sông Hồng, theo hướng chỉnh trang và mở rộng đô thị về hướng Tây - Tây Nam;

. Khu vực đô thị phía Bắc sông Hồng hình thành mới trung tâm thương mại - đô thị gắn với đầu mối giao thông quốc gia tổng hợp và tham gia vào hành lang kinh tế Côn Minh - Hạ Long;

. Khu vực đô thị phía Đông sông Hồng - Nam sông Đuống đáp ứng dịch vụ nhà ở gắn khu vực công nghiệp tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại.

Hạn chế phát triển công nghiệp, thu hút đầu tư các khu công nghiệp kỹ thuật cao gắn với sự hình thành các đô thị dịch vụ, tạo các trung tâm kinh tế công nghiệp trên các trục chính của vùng.

+ Các thành phố cấp vùng, phân vùng: gồm các thành phố Hải Dương, Vĩnh Yên, Hòa Bình, trong đó thành phố Hải Dương là đô thị cấp vùng, các đô thị trung tâm tinh lý là Bắc Ninh, Hưng Yên và Phủ Lý. Phát triển đô thị trung tâm tinh lý và các đô thị trên địa bàn theo hướng đầu tư

tập trung, nâng cao chất lượng kiến trúc và điều kiện dịch vụ đô thị, hạ tầng... để có cơ hội thu hút đầu tư phát triển về dân cư, lao động và các công trình trung tâm lớn trong vùng.

+ Các đô thị chuyên ngành chủ yếu là các đô thị mới gắn với các trung tâm đào tạo, công nghệ cao (Hòa Lạc), công nghiệp (như Phố Nối, Đồng Văn...), du lịch (như Sơn Tây, Sao Đỏ - Chí Linh, Tam Đảo, Lương Sơn, Quan Sơn...), dịch vụ thương mại, phát triển nhà ở (như An Khánh, Mê Linh, Văn Giang, Từ Sơn...).

+ Các đô thị, thị trấn cấp huyện là trung tâm công nghiệp vừa và nhỏ, dịch vụ dân cư nông nghiệp - nông thôn. Các vùng dân cư nông thôn trong xu hướng đô thị hóa tăng dần hoạt động phi nông nghiệp, phát triển nghề thủ công, dịch vụ và thương mại, công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn, nâng cao chất lượng dịch vụ công cộng và cải thiện hệ thống hạ tầng nông thôn. Các đô thị trung tâm huyện là các đô thị dịch vụ cho vùng nông nghiệp - nông thôn. Các khu cụm công nghiệp nhỏ nên gắn với trung tâm huyện hoặc trung tâm cụm xã.

d) Tổ chức không gian công nghiệp vùng Thủ đô Hà Nội:

Hình thành các khu vực công nghiệp chính trong vùng theo các xu hướng bố

trí không gian phát triển toàn vùng, bao gồm:

- Vùng đô thị hạt nhân trung tâm:

+ Phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng chất xám cao, công nghệ cao, mới, không ô nhiễm, ít chiếm đất, sử dụng lao động có lựa chọn, gắn với khu vực nghiên cứu.

+ Khu công nghệ cao Hà Nội xây dựng tại Khu công nghiệp Nam Thăng Long.

+ Các khu công nghiệp khác cần rà soát lại loại hình và phát triển trong khu vực phụ cận trung tâm.

- Các vùng đôi trọng:

+ Vùng công nghiệp đường 18: phát triển công nghiệp năng lượng, vật liệu xây dựng, khai thác chế biến khoáng sản, cơ khí hóa chất... trong đó có sự phát triển gắn với địa bàn tỉnh Quảng Ninh và Bắc Giang. Phát triển trục không gian công nghiệp - đô thị theo hành lang kinh tế Côn Minh - Hạ Long nối ra khu vực cảng biển. Công nghiệp nặng của vùng chuyển dịch lên khu vực phía Bắc, Đông Bắc, sử dụng quỹ đất gò đồi phía Bắc đường 18 và một số khu vực ngoài vùng tại Thái Nguyên, Quảng Ninh (Đông Triều - Mạo Khê) và Bắc Giang.

+ Vùng công nghiệp Bắc sông Hồng: gồm khu vực Sóc Sơn - Nội Bài, Mê Linh - Phúc Yên - Vĩnh Yên với hướng

www.ThuVienPhapLuat.com  
Tel: +84-8-38436684 \*  
1966211  
LawSoft

phát triển các công nghiệp lắp ráp ô tô, xe máy, điện tử, hạn chế các công nghiệp chế biến, ô nhiễm cao.

+ Vùng Phả Lại: công nghiệp nhiệt điện.

+ Vùng công nghiệp gắn với 2 đô thị lớn phụ cận là thành phố Việt Trì và thành phố Thái Nguyên, trong đó Thái Nguyên và phụ cận phía Nam (sông Công, Phô Yên) phát triển công nghiệp thép, công nghiệp vật liệu xây dựng.

+ Phát triển vùng công nghiệp gắn tuyến trục đô thị hóa mạnh của vùng về phía Đông hướng cảng Hải Phòng với các ngành công nghiệp chế tác, chế biến lương thực thực phẩm, vật liệu cao cấp, công nghiệp nhẹ, dịch vụ sản xuất nông nghiệp.

+ Xây dựng khu vực công nghệ cao phía Tây (kết hợp Khu công nghiệp Phú Cát) tại khu vực Hòa Lạc.

+ Công nghiệp thủy điện tại Hòa Bình.

+ Phát triển các vùng làng nghề truyền thống trên địa bàn Hà Tây.

+ Phát triển các cụm công nghiệp quy mô nhỏ gắn đô thị như Xuân Mai, Lương Sơn, Hòa Bình trên quốc lộ 6.

+ Phía Nam hình thành khu vực công nghiệp đa ngành gắn với 2 đô thị phía Nam của vùng là Hưng Yên và Phủ Lý, trong đó gồm 2 cụm là:

. Cụm công nghiệp khai thác đá, xi măng, vật liệu xây dựng Bút Sơn - Kim Bảng - Kiện Khê.

. Cụm công nghiệp nhẹ, sản xuất hàng tiêu dùng tại trục Đồng Văn - Hòa Mạc - Châu Sơn.

- Vùng trọng điểm công nghiệp:

Vùng trọng điểm công nghiệp của vùng Thủ đô Hà Nội chủ yếu tập trung vào khu vực phía Đông (từ vùng đô thị trung tâm nối ra Hải Phòng và Quảng Ninh), tạo một hành lang kinh tế chủ đạo của toàn vùng với sự nối kết các tuyến đường cao tốc Đông - Tây, hành lang đô thị hóa mạnh với các đô thị trung tâm phát triển lớn và các cụm đô thị - công nghiệp - dịch vụ xen kẽ trên toàn dải trục, hình thành một vùng phát triển đối trọng với đô thị trung tâm.

Đối với Thủ đô Hà Nội: di chuyển kết hợp cải tạo, nâng cấp cơ sở các ngành sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm ra xa nội thành (khi chuyển ra ngoại thành có biện pháp đồng bộ bảo vệ môi trường) gắn với việc hình thành các khu đô thị vệ tinh, khu đô thị mới như các khu Bắc Thăng Long, Nam Thăng Long, Bồ Đề (Gia Lâm), Yên Viên.

Đối với phát triển các khu công nghiệp tập trung, khu công nghệ cao: đẩy nhanh việc xây dựng theo quy hoạch và đưa vào hoạt động khu công nghệ cao Hòa

Lạc. Trước mắt, tập trung tạo mặt bằng thuận lợi và có chính sách thông thoáng hơn nữa, thu hút đầu tư trong và ngoài nước để lấp đầy các khu công nghiệp hiện có. Rà soát lại quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp của toàn vùng nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững, cân đối. Quy hoạch xây dựng đồng bộ khu dân cư và các công trình hạ tầng xã hội phục vụ khu công nghiệp.

đ) Tổ chức không gian du lịch vùng:

- Tiềm năng du lịch của vùng:

+ Tổ chức không gian du lịch vùng Hà Nội nằm trong quy hoạch Trung tâm du lịch Hà Nội và phụ cận được xác định trong quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng du lịch Bắc Bộ, bao gồm Thủ đô Hà Nội và các tỉnh phụ cận thuộc vùng Hà Nội và vùng bao quanh là Phú Thọ, Bắc Giang, Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình, Thanh Hóa. Đây là một khu vực rộng lớn với các miền địa hình khác nhau, là vùng có nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn đa dạng nhất trong vùng Bắc Bộ và quan trọng nhất trong 5 trung tâm du lịch quan trọng được ưu tiên đầu tư phát triển.

+ Không gian hoạt động của vùng du lịch là một bộ phận của định hướng không gian phát triển của vùng Hà Nội, tạo ra sản phẩm du lịch mang bản sắc riêng cho từng khu vực trong vùng, là

động lực cho một số đô thị dịch vụ du lịch hình thành và phát triển gắn các vùng sinh thái lớn.

+ Du lịch sinh thái vùng bán sơn địa và các vùng du lịch di tích gắn các làng xã nông nghiệp vùng châu thổ sông Hồng là một đặc trưng khác biệt của vùng Hà Nội so với du lịch vùng duyên hải, tạo ra các trung tâm vệ tinh về du lịch để mở rộng bán kính thu hút của trung tâm hạt nhân là Thủ đô Hà Nội.

+ Hệ thống tuyến du lịch là sự liên kết hợp lý các trung tâm cụm, điểm du lịch có giá trị trong giới hạn không gian lãnh thổ du lịch của trung tâm du lịch Hà Nội và phụ cận, tạo thành tuyến du lịch liên tục, khép kín.

+ Lựa chọn để đầu tư xây dựng một số trung tâm du lịch có cấp độ quốc gia và quốc tế. Cấp quốc tế là Hà Nội, cấp quốc gia là du lịch Ba Vì - Hương Sơn - Tam Chúc, Tam Đảo - Tây Thiên, Chí Linh - Sao Đỏ, Phố Hiến và các tuyến điểm du lịch cấp vùng.

- Tổ chức không gian du lịch vùng Hà Nội:

+ Vùng ưu tiên đầu tư phát triển du lịch: nằm trong hạt nhân của các trung tâm du lịch; các điểm du lịch lớn; nơi tập trung nhiều tài nguyên du lịch có khả năng khai thác đồng thời.



+ Không gian trung tâm du lịch: thành phố Hà Nội là trung tâm du lịch của vùng, là nơi hội tụ các di tích lịch sử văn hóa, kiến trúc và các lễ hội truyền thống với nhiều di tích được xếp hạng, trong đó có 2 di tích đặc biệt, được coi là tiềm năng du lịch nhân văn lớn nhất trong cả nước. Tại đây, ưu tiên đầu tư các công trình dịch vụ, vận chuyển giao thông, nâng cấp các điểm tham quan.

+ Không gian các trung tâm du lịch vệ tinh: phát triển chủ yếu gắn với các đô thị trong vùng như thành phố Việt Trì, thành phố Vĩnh Yên, thành phố Sơn Tây, thành phố Hòa Bình, thành phố Nam Định, thành phố Bắc Ninh, thành phố Hải Dương với các ưu tiên đầu tư các cơ sở lưu trú, các công trình vận chuyển giao thông, dịch vụ.

+ Các vùng du lịch lớn:

. Vùng du lịch sinh thái - giải trí - thể thao - nghỉ dưỡng Ba Vì - Hà Tây, bao gồm các cụm du lịch xung quanh các vùng núi và hồ của khu vực Ba Vì - Suối Hai. Các dự án đã khởi động gồm sân golf Đồng Mô, Làng du lịch - văn hóa các dân tộc Việt Nam và một số điểm dịch vụ du lịch quy mô nhỏ. Quan tâm đầu tư đô thị du lịch nghỉ dưỡng cao cấp tại khu vực Suối Hai.

Vùng du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng Tam Đảo - Tây Thiên: các trung tâm du

lịch vườn quốc gia Tam Đảo, hồ Đại Lải hiện đã được đầu tư phát triển theo hướng gắn với đô thị, cần được kiểm soát theo quy chế quản lý chặt chẽ. Thị trấn Tam Đảo cần được xem xét thận trọng để hạn chế mật độ xây dựng và có hướng dẫn hình thái kiến trúc đô thị đặc trưng.

. Vùng du lịch văn hóa, lễ hội kết hợp thắng cảnh hồ - vùng cảnh quan núi đá Hương Sơn - Quan Sơn - Tam Chúc, vùng du lịch Hòa Bình, du lịch tham quan nghiên cứu văn hóa Mường, hồ thủy điện, vùng du lịch Chí Linh - Sao Đỏ (Hải Dương), vùng du lịch tham quan di tích, thắng cảnh đồng thời là cụm du lịch tạo cầu nối kết hợp vùng du lịch Quảng Ninh - Hải Phòng.

e) Tổ chức định hướng phát triển hệ thống dịch vụ xã hội:

- Tổ chức hệ thống dịch vụ thương mại - y tế vùng:

+ Để hỗ trợ cho các đô thị có vai trò trung tâm vùng và các đô thị chuyên ngành lớn, có khoảng cách hợp lý với Hà Nội đồng thời có vai trò ảnh hưởng đến sự điều phối dịch cư trong vùng như các đô thị: Hải Dương, Vĩnh Yên và Hòa Bình đầu tư xây dựng các trung tâm dịch vụ thương mại - công cộng, văn hóa giải trí và y tế để nâng cao chất lượng đô thị nhằm tạo sức hấp dẫn, thu hút các nguồn lực vào đô thị. Thành phố Hải Dương có

thể hình thành các trung tâm thương mại đầu mối nông sản lớn như một hạt nhân của vùng nông nghiệp Bắc Bộ, đồng thời là một khu vực cảng cạn ICD có vai trò trung chuyển cho vùng cảng biển Hải Phòng và Quảng Ninh, đồng thời có vai trò của trung tâm dịch vụ y tế, giáo dục - đào tạo.

+ Xây dựng trung tâm y tế chất lượng cao quy mô vùng tại đô thị Hòa Lạc (Hà Tây), thành phố Hải Dương, Vĩnh Yên và thị xã Phủ Lý nhằm giảm sự quá tải các bệnh viện đầu ngành tại nội thành Hà Nội.

+ Xây dựng các trung tâm thương mại đầu mối, với vai trò phát luồng, điều hòa phân phối hàng hóa trong vùng và các khu vực lân cận tại Phủ Lý (Hà Nam), Hải Dương, Bắc Ninh, Vĩnh Yên, Hòa Lạc.

- Tổ chức hệ thống đào tạo vùng:

+ Tổ chức 3 trung tâm đào tạo của vùng là Hà Nội - Hải Phòng - Nam Định, trong đó Hà Nội là trung tâm và Hải Phòng - Nam Định là hai địa bàn hỗ trợ nhằm đào tạo nguồn nhân lực cho quốc gia, vùng Bắc Bộ và vùng đồng bằng sông Hồng.

+ Các trường đào tạo công nghệ cao phân bố gần với Hà Nội, bao gồm các ngành như vật liệu mới, công nghệ thông tin, tự động hóa, sinh học, đào tạo dịch vụ trình độ quốc tế.

+ Hà Nội là trung tâm đào tạo lớn nhất. Hình thành các trung tâm đào tạo mới gắn với các đô thị trong vùng theo các dự án lớn như khu Đại học Quốc gia tại Hòa Lạc, các trường cao đẳng kỹ thuật hình thành từng cụm gắn với các khu vực công nghiệp tập trung lớn Bắc Thăng Long - Nội Bài - Sóc Sơn của Hà Nội, vùng công nghiệp đường 18 và 18 mới (thuộc Hải Dương - Quảng Ninh), khu vực công nghiệp Phố Nối - Yên Mỹ (Hung Yên).

+ Tại các tỉnh theo hướng phân bố 1 - 2 trường đại học dân lập đào tạo đa ngành và các trường chuyên nghiệp, công nhân kỹ thuật của tỉnh theo nhu cầu riêng.

+ Quy mô các trường đại học công lập 10 - 12.000 sinh viên, trường trọng điểm 18 - 20.000 sinh viên, trường dân lập 6 - 10.000 sinh viên, cao đẳng 3 - 5.000 sinh viên.

+ Việc điều phối lại sự phân bố các trường đào tạo trong vùng tạo thêm động lực cho các đô thị phát triển và tạo điều kiện cho các trường đầu tư phát triển cơ sở đào tạo, khu nhà ở cho sinh viên theo các mô hình môi trường đào tạo tiên tiến gắn kết với các dịch vụ đô thị hiện đại.

7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Giao thông:

Tận dụng năng lực cơ sở hạ tầng giao

thông hiện có, coi trọng công tác bảo trì, tập trung đầu tư nâng cấp các công trình hiện có.

Phát huy tối đa về lợi thế địa lý của vùng, phát triển đồng bộ hệ thống các loại hình giao thông vận tải đối ngoại như: đường bộ, đường sắt, đường hàng không và đường thủy. Đầu tư phát triển các hành lang vận tải: Bắc - Nam; Đông - Tây và các tuyến đường vành đai kết nối liên hoàn với cảng hàng không và hệ thống cảng biển.

Phát triển hệ thống giao thông vận tải một cách thống nhất, cân đối, đồng bộ, đảm bảo sự liên hoàn giữa các phương thức vận tải, giữa mạng lưới giao thông vận tải của vùng với mạng lưới giao thông vận tải quốc gia và quốc tế.

- Đường bộ:

+ Xây dựng các tuyến đường vành đai để giải tỏa lưu lượng các phương tiện giao thông quá cảnh qua Hà Nội.

+ Xây dựng mới tuyến đường vành đai (vành đai IV) cao tốc vùng Thủ đô Hà Nội, bán kính phân bố trung bình từ 20 - 40 km, phục vụ giải tỏa lưu lượng các phương tiện giao thông, đặc biệt xe tải và ô tô quá cảnh trên các tuyến đường cao tốc và quốc lộ hướng tâm vào thành phố hạt nhân.

+ Cải tạo và xây dựng mới các tuyến đường quốc gia kết nối liên thông các

đô thị đối trọng xung quanh Hà Nội, bán kính phân bố trung bình 40 - 60 km (vành đai V), phục vụ mỗi giao lưu trực tiếp giữa các đô thị, đồng thời góp phần giải tỏa lưu lượng ô tô quá cảnh trên các tuyến đường cao tốc và quốc lộ hướng tâm.

+ Xây dựng mới các tuyến đường mới dọc các hành lang kinh tế quan trọng giữa vành đai IV và vành đai V và các tuyến hướng tâm từ cảng hàng không quốc tế và các đô thị vệ tinh, đô thị đối trọng kết nối trực tiếp với Thủ đô Hà Nội nhằm đáp ứng nhu cầu giao thông con lắc giữa thành phố hạt nhân với các thành phố trong vùng.

+ Trục đường cao tốc phía Bắc song song với quốc lộ 2 và quốc lộ 18 nối vùng Vân Nam - Trung Quốc và vùng Tây Bắc với cảng nước sâu Cái Lân - Quảng Ninh.

+ Trục đường cao tốc phía Nam song song quốc lộ 6 và quốc lộ 5, liên hệ vùng Tây Bắc với cụm cảng Hải Phòng - Cái Lân.

+ Trục đường cao tốc Bắc Nam phía Tây là tuyến đường Hồ Chí Minh, quốc lộ 21 nối với quốc lộ 2.

+ Trục đường cao tốc Bắc Nam phía Đông song song với quốc lộ 1A, đây là tuyến đường ô tô quan trọng, huyết mạch của quốc gia và quốc tế.

642211  
Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com  
LawSoft

+ Tập trung cải tạo nâng cấp mở rộng các tuyến quốc lộ hướng tâm đạt tiêu chuẩn đường cấp I đồng bằng quy mô 4 - 6 làn xe.

+ Cải tạo nâng cấp kết hợp xây dựng mới hệ thống đường tỉnh kết nối liên thông với mạng lưới đường quốc gia.

+ Tổ chức các tuyến đường nội vùng nối liền hệ thống các điểm dân cư tập trung với các trục đường chính tạo thành mạng lưới đường bộ liên hoàn đáp ứng nhu cầu đi lại, giao lưu nội ngoại vùng.

- Đường sắt

+ Đường sắt quốc gia:

. Cải tạo nâng cấp 5 tuyến đường sắt quốc gia tập trung vào đầu mối Hà Nội thành các tuyến đường sắt đôi điện khí hóa.

. Cải tạo xây dựng hoàn chỉnh tuyến vành đai đường sắt tiếp cận khu vực Hà Nội, nhằm giải tỏa lưu lượng tàu quá cảnh chạy qua khu vực nội thành.

+ Xây dựng mới các tuyến đường sắt quốc gia đáp ứng nhu cầu vận tải của các hướng:

. Tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam.

. Tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Quảng Ninh.

. Tuyến đường sắt cao tốc Hà Nội - Hải Phòng.

- Đường sắt nội vùng: cải tạo kết hợp xây dựng các tuyến đường sắt nội vùng: từ Hà Nội đi Thái Nguyên, Việt Trì, Bắc Giang, Hải Dương, Ninh Bình, Hòa Bình và Sơn Tây.

. Nối kết hệ thống đường sắt nội vùng với hệ thống tuyến đường sắt đô thị. Nghiên cứu xây dựng mới một số tuyến đường sắt nhẹ kết nối các đô thị với các vùng du lịch nghỉ ngơi giải trí lớn trong vùng như: Ba Vì, Sơn Tây, Hòa Bình, Hưng Yên, Chùa Hương (Hà Tây).

+ Hệ thống đường sắt đô thị cần được nghiên cứu, đầu tư xây dựng thành mạng lưới đường sắt giao thông công cộng hoàn chỉnh đáp ứng nhu cầu đi lại.

+ Hệ thống các công trình phục vụ đường sắt:

. Xây dựng các đầu mối kết nối liên thông giữa các tuyến đường sắt, đặc biệt giữa các tuyến đường sắt hướng tâm với tuyến đường sắt vành đai.

. Xây dựng cầu, các công trình và trang thiết bị an toàn chạy tàu.

. Xây dựng hệ thống các nhà ga đầu mối hàng hóa (Ngọc Hồi, Cổ Bi, Yên Viên, Bắc Ninh, Bắc Hồng...) nhằm đảm bảo mối liên kết thống nhất giữa các tuyến của hệ thống đường sắt quốc gia qua khu vực đầu mối Hà Nội.

. Xây dựng hệ thống các nhà ga đầu mối hành khách đảm bảo mối liên kết

thống nhất giữa hệ thống đường sắt nội đô với hệ thống đường sắt vùng và quốc gia.

- Hàng không:

+ Xây dựng, cải tạo nâng cấp cảng hàng không, sân bay quốc tế Nội Bài thành cảng hàng không lớn, hiện đại khu vực phía Bắc: năm 2020 đạt 15,2 triệu hành khách/năm, tương lai đến năm 2030 và sau 2030 có thể tiếp nhận 25 triệu và 50 triệu hành khách/năm. Tiếp tục nghiên cứu vị trí, quy mô của sân bay quốc tế thứ 2 trong vùng khi sân bay Nội Bài đã có dấu hiệu mãn tải và dự trữ phát triển lâu dài.

+ Cải tạo nâng cấp cảng hàng không, sân bay quốc tế Cát Bi - Hải Phòng nhằm phục vụ hành khách nội địa kết hợp quốc tế.

+ Sân bay Gia Lâm phục vụ du lịch nội địa tầm ngắn.

- Đường thủy:

+ Cải tạo nâng cấp các tuyến đường thủy kết nối trực tiếp với cụm cảng biển Hải Phòng và Quảng Ninh.

+ Đầu tư và khai thác hợp lý tuyến đường thủy sông Hồng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và du lịch đường sông.

+ Cải tạo xây dựng hệ thống các cảng sông trong vùng (cụm cảng Hà Nội, Sơn

Tây, Vĩnh Phúc, Hòa Bình, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nam). Kết hợp với hệ thống đường sắt, đường bộ tạo thành các đầu mối giao thông trung chuyển quan trọng của vùng.

- Giao thông đô thị và nông thôn:

+ Định hướng phát triển giao thông đô thị:

. Quỹ đất dành cho giao thông đô thị phải đạt 20 - 25% tổng diện tích đất xây dựng thành phố.

. Mật độ bình quân đường giao thông (không kể đường khu dân cư) tại khu vực trung tâm 6 - 8 km/km<sup>2</sup>, các khu vực khác 3 - 5 km/km<sup>2</sup>.

. Tổ chức vận tải hành khách công cộng cho các đô thị:

Đối với thành phố trung tâm xây dựng hệ thống đường sắt đô thị: đầu tư xây dựng các tuyến đường sắt đô thị thành mạng lưới đường sắt vận tải hành khách công cộng hoàn chỉnh theo Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội, đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân trong vùng.

Đối với các đô thị khác tổ chức vận tải hành khách công cộng chủ yếu bằng các loại xe buýt vừa và nhỏ.

Hạn chế tối đa sử dụng phương tiện cá nhân, không chế chỉ tiêu xe con từ 80 - 100 xe/1.000 dân.

. Tổ chức quản lý giao thông đô thị một cách khoa học bằng các trang thiết bị hiện đại

+ Giao thông nông thôn - miền núi:

. Duy trì, củng cố mạng lưới giao thông hiện có, nâng cấp một số tuyến quan trọng, từng bước đưa vào cấp theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật đường giao thông nông thôn.

. Xây dựng một số đường mới, cầu, cống, kết nối liên hoàn với hệ thống đường tỉnh đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân.

. Sử dụng vật liệu tại chỗ là chính, tập trung việc nhựa hóa và bê tông xi măng hóa.

- Về hệ thống công trình phục vụ giao thông:

+ Cầu cống:

. Cải tạo nâng cấp các cầu trên các tuyến phù hợp với cấp hạng đường.

. Xây dựng mới một số cầu phục vụ giao thông: 1 cầu trên vành đai V (cầu Vĩnh Thịnh); 2 cầu trên vành đai IV (cầu Mỹ Sở, cầu Hồng Hà); 3 cầu trên các đường trục chính giao thông đô thị; xây mới 1 cầu qua sông Đuống.

+ Xây dựng hệ thống các nút giao cắt lập thể theo đúng tiêu chuẩn của các tuyến giao cắt;

+ Cải tạo xây dựng hệ thống các bến, bãi đỗ xe.

+ Tổ chức hệ thống đầu mối giao thông tiếp vận tổng hợp:

. Đầu mối Nội Bài liên kết đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị với đường bộ và đường hàng không.

. Đầu mối phía Nam: khu vực Ngọc Hồi, khu vực cảng sông Khuyến Lương, bao gồm đường sắt quốc gia, đường sắt cao tốc, đường sắt đô thị với các tuyến đường bộ và đường thủy.

. Đầu mối tiếp vận phía Đông: ga Cổ Bi, Hải Dương, cảng cạn, sắt bộ kết hợp.

. Bắc Ninh: là đầu mối bao gồm các loại phương thức vận tải như đường sắt quốc gia, quốc tế, đường bộ.

b) Chuẩn bị kỹ thuật:

- Công tác nền:

Cao độ nền xây dựng của các đô thị phải đảm bảo không bị ngập lụt. Với tần suất  $P \geq 2\%$  cho các đô thị loại 2, tần suất  $P \geq 2,5\%$  cho các đô thị loại 3, tần suất  $P \geq 5\%$  cho các đô thị loại 4, tần suất  $P \geq 10\%$  cho các đô thị loại 5;

- Quy hoạch tiêu thoát nước:

+ Các đô thị đặc biệt, đô thị loại 1, loại 2 cần xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn đạt 100% đường đô thị

có hệ thống thoát nước mưa. Khu vực ngoại thị đạt  $\geq 70\%$  đường có hệ thống thoát nước mưa.

+ Đô thị loại 3 đạt  $\geq 70\%$  đường giao thông nội thị có công thoát nước mưa; đô thị loại 4, loại 5 đạt  $\geq 60\%$  đường giao thông nội thị có công thoát nước mưa. Khu vực ngoại thị đạt  $\geq 50\%$  đường giao thông có công thoát nước mưa.

- Công tác phòng và chống lũ trong vùng Hà Nội:

+ Cần củng cố và xây dựng hệ thống dự báo và cảnh báo lũ trên các tuyến sông.

+ Công tác bảo vệ đê và khai thông dòng chảy để bảo đảm khả năng thoát lũ của hệ thống sông.

+ Nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải và các công trình tiêu úng trong các tỉnh. Nạo vét các dòng sông để thoát lũ như: sông Đáy, sông Nhuệ, sông Ngũ Huyện Khê, sông Đuống .v.v...

+ Giải pháp hồ chứa thượng lưu:

. Xây dựng các hồ chứa lớn sử dụng tổng hợp làm hồ điều hòa cắt lũ trong mùa mưa, vừa điều tiết dòng chảy, cung cấp nước, vừa làm cảnh quan du lịch, phát điện và điều tiết nước trong mùa cạn.

. Hiện nay đã có hồ Hòa Bình và hồ Thác Bà để tham gia cắt lũ khi mực nước

hồ Hòa Bình là 117 m hoặc mực nước tại Hà Nội có khả năng vượt quá 13,1 m.

. Khi chưa có thêm công trình hồ chứa ở thượng lưu buộc phải sử dụng công trình phân lũ sông Đáy, sông Tích và sử dụng lại các khu phân chậm lũ trước đây.

. Khi đã có hệ thống hồ Sơn La (sông Đà) và hồ Đại Thi (sông Lô). Bỏ công trình phân lũ Đập Đáy và các công trình phân chậm lũ khác.

. Trồng cây và bảo vệ rừng đầu nguồn sông, suối là biện pháp hữu hiệu để giữ đất, giữ nước chống sạt lở, sụt lún làm chậm dòng chảy lũ, chống lũ quét.

- Các công tác khác:

+ Trồng tre chắn sóng, trồng cỏ, chỉnh trị dòng, khai thông các hành lang thoát lũ.

+ Xây dựng các mỏ hàn để lái dòng chảy, nhất là các chỗ xung yếu ở hai bên bờ sông Hồng. Không xây dựng các công trình ven sông, suối, các hồ nước có đập tránh sạt lở.

+ Đối với các vùng du lịch sinh thái nghỉ dưỡng như: Tam Đảo, Ba Vì, hồ Đại Lải, Côn Sơn, Kiếp Bạc.v.v... cần phải được quy hoạch cụ thể không được khai thác bừa bãi. Đặc biệt tại các sườn núi, chân núi không được đào bới, xây dựng các công trình khi chưa có quy hoạch xây dựng.

## c) Định hướng cấp điện:

- Phụ tải điện: phụ tải điện vùng Thủ đô Hà Nội ở các giai đoạn là:

+ Đợt đầu: khoảng 3.800 MW.

+ Dài hạn: khoảng 9.000 MW ÷ 10.000 MW.

## - Định hướng cấp điện:

+ Nguồn điện: nguồn điện cấp cho vùng Thủ đô Hà Nội là các nhà máy điện hiện có và lưới điện 500 kV, 220 kV quốc gia.

## + Lưới điện:

. Lưới điện 500 kV: sẽ hình thành lưới điện 500 kV liên kết các nhà máy điện có công suất lớn ở ngoài vùng để cấp điện cho các trạm 500 kV ở trong vùng và liên kết các trạm 500 kV với nhau để tạo thành 1 mạch vòng 500 kV riêng cho vùng Thủ đô Hà Nội.

. Lưới điện 220 kV: song song với phát triển nguồn và lưới điện 500 kV cần phát triển lưới điện 220 kV của vùng. Đến năm 2020 toàn vùng Thủ đô Hà Nội sẽ có 29 trạm 220 kV, mỗi tỉnh, thành phố trong vùng sẽ có ít nhất 1 trạm 220 kV. Cấp điện cho các trạm 220 kV là lưới điện 220 kV, sẽ hình thành từ 3 đến 4 mạch vòng 220 kV trong vùng Thủ đô Hà Nội để cấp điện cho 29 trạm 220 kV trong vùng, mỗi trạm 220 kV sẽ được cấp điện từ 2 phía hoặc đường dây mạch kép.

. Lưới điện 110 kV: xây dựng lưới điện 110 kV riêng cho mỗi tỉnh, thành phố trong vùng, về lâu dài mỗi quận, huyện trong vùng có ít nhất 1 trạm 110 kV. Mỗi trạm 110 kV sẽ được cấp điện từ 2 phía hoặc đường dây mạch kép.

## d) Định hướng cấp nước:

- Lựa chọn nguồn nước: chọn nguồn nước ngầm và nước mặt kết hợp, chú trọng (ưu tiên) khai thác nguồn nước mặt.

## - Giải pháp:

## + Hệ thống cấp nước vùng liên tỉnh:

. Hệ thống cấp nước sông Đà công suất 600.000 m<sup>3</sup>/năm, tăng công suất lên 1.200.000 m<sup>3</sup>/năm, khai thác nguồn nước sông Đà cấp cho Hà Nội, Hà Tây, Lương Sơn (Hòa Bình).

. Xây dựng mới nhà máy cấp nước liên vùng, nguồn nước khai thác dự kiến từ sông Đuống hoặc sông Hồng công suất 100.000 ÷ 300.000 m<sup>3</sup>/năm và có thể nâng cấp theo sự phát triển của khu vực nhằm bổ sung nguồn nước cấp cho khu vực Bắc sông Hồng, các khu đô thị và công nghiệp phía Đông trực đường 5 km từ Hà Nội, trên trục quốc lộ 1 từ Hà Nội đi Bắc Ninh.

## + Hệ thống cấp nước vùng tỉnh:

. Tỉnh Hải Dương: hệ thống cấp nước sông Thái Bình công suất 130.000 m<sup>3</sup>/năm,



khai thác nguồn nước sông Thái Bình cấp cho Hải Dương và các đô thị, công nghiệp dọc trục đường 5.

. Tỉnh Hà Nam: hệ thống cấp nước sông Hồng qua sông Châu công suất 120.000 m<sup>3</sup>/nđ cấp cho các khu đô thị và công nghiệp dọc trục đường 38 và các đô thị lân cận tỉnh Hà Nam.

. Tỉnh Vĩnh Phúc: hệ thống cấp nước sông Lô công suất 250.000 m<sup>3</sup>/nđ bổ sung nguồn nước cấp cho thành phố Vĩnh Yên, các khu đô thị và công nghiệp phía Bắc Vĩnh Yên.

đ) Định hướng thoát nước bản, vệ sinh môi trường:

Định hướng hệ thống thoát nước bản của vùng Hà Nội được chia theo 2 khu vực chủ yếu: khu vực 1: đô thị hạt nhân: Thủ đô Hà Nội mở rộng; khu vực 2: các đô thị đối trọng.

Các khu vực đô thị này cần được xây riêng hệ thống thoát nước thải và nước mưa độc lập và giải quyết thoát cục bộ cho từng đô thị. Xây dựng các trạm, nhà máy xử lý nước thải đối với các thành phố thị xã. Đối với các khu vực nông thôn, các cụm dân cư tập trung: xây dựng hệ thống thoát nước chung (nước mưa và nước thải). Đối với dân cư trong các làng xóm: sẽ do các gia đình tự giải quyết cho phù hợp, nhưng đảm bảo vệ sinh, không ảnh hưởng đến nguồn nước xung quanh.

Nước thải phải được xử lý đạt tiêu chuẩn vệ sinh theo tiêu chuẩn Việt Nam trước khi xả ra môi trường. Mức độ xử lý tùy thuộc vào nơi xả nước (theo TCVN đã quy định). Nước thải của các khu công nghiệp tập trung, công nghiệp địa phương, bệnh viện nằm trong khu vực này cũng phải được xử lý đạt tiêu chuẩn Việt Nam đã quy định sau đó mới được xả ra môi trường.

- Thoát nước và xử lý nước thải:

+ Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng cho các đô thị cấp thành phố, thị xã đối với khu vực mở rộng, xây mới khu công nghiệp, du lịch. Hệ thống công chung một nửa cho các đô thị cũ (đã có hệ thống công chung) và các thị trấn. Các thị tứ và cụm dân cư nông thôn xây dựng hệ thống thoát nước chung.

+ Đối với các đô thị (đặc biệt là Thủ đô Hà Nội) toàn bộ nước thải (sinh hoạt, công nghiệp, bệnh viện) phải được xử lý đạt tiêu chuẩn vệ sinh giới hạn A, B (tùy thuộc vào nguồn tiếp nhận và vị trí nơi xả nước theo quy định của TCVN 7222 - 2002, 5945 - 2005) trước khi xả ra môi trường.

. Xử lý cấp giới hạn A đối với các sông (trong khu vực bảo vệ nguồn nước): sông Đà, sông Hồng, sông Đáy, sông Lô, sông Luộc, sông Thái Bình, sông Cầu.

. Xử lý cấp giới hạn B đối với các sông, hồ còn lại trong vùng (không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt).

+ Đối với các khu vực nông thôn: tận dụng các sông hồ sẵn có đào hồ sinh học để xử lý nước thải bằng phương pháp tự làm sạch sinh học.

#### - Chất thải rắn (CTR)

Hướng giải quyết CTR của vùng Thủ đô Hà Nội được phân cấp theo:

+ Khu xử lý CTR cấp vùng (liên tỉnh).

. Khu xử lý thuộc huyện Sóc Sơn thành phố Hà Nội, quy mô đất xây dựng khoảng 140 - 160 ha, xử lý CTR công nghiệp cho vùng Hà Nội và xử lý CTR sinh hoạt cho thành phố Hà Nội và huyện Sóc Sơn, áp dụng công nghệ xử lý hiện đại.

. Khu xử lý thuộc huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình và Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây: quy mô đất xây dựng khoảng 200 ha, xử lý CTR sinh hoạt cho khu vực phía Tây của vùng Hà Nội và các tỉnh Hòa Bình, Hà Tây áp dụng công nghệ xử lý hiện đại.

+ Khu xử lý CTR cấp vùng tỉnh.

. Tỉnh Vĩnh Phúc: thuộc khu vực huyện Tam Đảo, quy mô xây dựng 100 ha.

. Tỉnh Bắc Ninh: thuộc khu vực huyện Quế Võ, quy mô xây dựng 40 - 60 ha.

. Tỉnh Hưng Yên: thuộc khu vực huyện Yên Mỹ - Tiên Lữ, quy mô xây dựng 20 - 40 ha.

. Tỉnh Hải Dương: thuộc khu vực huyện Chí Linh - Cẩm Giàng - Thanh Hà, quy mô xây dựng 100 ha.

. Tỉnh Hà Nam: thuộc khu vực huyện Thanh Liêm, quy mô xây dựng 50 ha.

+ Khu xử lý CTR cấp vùng huyện: mỗi huyện xây dựng một khu xử lý CTR có công nghệ chủ yếu là chôn lấp hợp vệ sinh.

- Nghĩa trang:

Hướng giải quyết nghĩa trang vùng Hà Nội được phân cấp theo:

+ Nghĩa trang quốc gia: nghĩa trang “Mai Dịch II”. Vị trí xây dựng thuộc huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, quy mô đất xây dựng 100 ha, áp dụng công nghệ táng tổng hợp, hiện đại có lưu táng.

+ Nghĩa trang tái định cư: “Nghĩa trang sinh thái”. Vị trí xây dựng thuộc khu vực huyện Sóc Sơn, quy mô đất xây dựng 150 ha. Công nghệ táng chủ yếu là cát táng.

+ Nghĩa trang nhân dân cấp vùng (liên tỉnh): vị trí xây dựng thuộc khu vực huyện Ba Vì, áp dụng công nghệ táng tổng hợp: địa táng có cải táng, địa táng 1 lần, cát táng, hỏa táng, lưu táng (hạn chế).

+ Nghĩa trang nhân dân cấp vùng tỉnh: thực hiện theo quy hoạch xây dựng vùng tỉnh đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

#### e) Định hướng bảo vệ môi trường

- Tăng cường kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường đô thị, xử lý triệt để các loại nước thải, chất thải rắn, kiểm soát khí thải từ các phương tiện giao thông.

- Việc phát triển vùng phải gắn với bảo vệ môi trường các lưu vực các sông: sông Nhuệ, sông Đáy, sông Cà Lồ, sông Đuống, sông Tích, sông Hồng, sông Thái Bình...

- Tăng cường kiểm soát, xử lý triệt để ô nhiễm môi trường do nước thải, khí thải, chất thải rắn và chất thải nguy hại trong các khu công nghiệp, các cơ sở tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.

- Tăng cường quản lý và bảo vệ môi trường các điểm dân cư ven đô, các khu vực giải phóng mặt bằng, tái định cư.

#### 8. Các chương trình, dự án ưu tiên:

Để từng bước thực hiện quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội có hiệu quả, trong giai đoạn đầu cần tập trung vào các chương trình, dự án cụ thể sau:

##### a) Hạ tầng xã hội

- Chương trình sắp xếp, điều chỉnh các cơ sở giáo dục đại học, trung học chuyên

ng nghiệp, dạy nghề nhằm di chuyển một số trường khỏi nội thành Hà Nội.

- Chương trình sắp xếp, điều chỉnh các bệnh viện cấp vùng, khu vực nhằm phân bố hợp lý, tránh quá tải khu vực nội thành Hà Nội.

- Chương trình xây dựng hệ thống các công trình thương mại, dịch vụ đầu mối: chợ đầu mối, các siêu thị bán buôn.

- Chương trình xây dựng các trung tâm thể thao cấp quốc gia, cấp khu vực để sẵn sàng tổ chức các giải thi đấu cấp khu vực và châu lục.

- Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch đô thị, công nghiệp không phù hợp với công nghiệp vùng.

##### b) Hạ tầng kỹ thuật

- Giao thông:

+ Đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các tuyến đường cao tốc, đường Hồ Chí Minh, đường vành đai cao tốc vùng Thủ đô giai đoạn I.

+ Đầu tư cải tạo, mở rộng các tuyến quốc lộ hướng tâm quốc lộ 2, quốc lộ 3, quốc lộ 32...

+ Đầu tư xây dựng các công trình phục vụ giao thông.

+ Đầu tư cải tạo nâng cấp thành đường sắt đôi, điện khí hóa các tuyến đường sắt quốc gia hướng tâm.

+ Đầu tư xây dựng một số tuyến đường sắt đô thị...

- Chuẩn bị kỹ thuật:

+ Dự án công Tắc Giang.

+ Dự án nạo vét sông Châu Giang, Nhuệ, Ngũ Huyện Khê, Bắc Hưng Hải.

+ Dự án làm sống lại dòng sông Đáy.

+ Dự án kè các khu vực sạt lở 2 bên bờ sông Hồng.

+ Xây dựng hệ thống cống bao nước bẩn để xử lý trước khi đổ ra trục tiêu chính của thành phố Hà Nội.

- Cấp nước:

+ Dự án cấp nước sông Đà.

+ Dự án cấp nước sông Lô.

- Thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

+ Nghĩa trang quốc gia “Nghĩa trang Mai Dịch 2”.

+ Khu liên hiệp xử lý chất thải rắn phía Tây vùng Hà Nội.

+ Nghĩa trang sinh thái.

+ Nghĩa trang nhân dân cấp vùng.

- Cấp điện:

+ Trạm và lưới 500 kV.

. Mở rộng trạm Thường Tín.

. Xây dựng mới mạch kép Thường Tín - Quảng Ninh.

+ Trạm và lưới 200 kV.

. Mở rộng các trạm: Sóc Sơn, Xuân Mai, Phố Nối, Hòa Bình.

. Xây dựng mới: Thành Công, Vân Trì, An Dương...

- Bảo vệ môi trường:

+ Cải thiện chất lượng nước các hồ đã bị suy thoái và ô nhiễm nặng.

+ Xử lý triệt để các nguồn nước thải dọc lưu vực sông Nhuệ - Đáy.

+ Xử lý nhiễm bẩn nước ngầm và sụt lún địa chất.

+ Quy hoạch xây dựng hệ thống vành đai sinh thái vùng Thủ đô Hà Nội.

#### 9. Mô hình tổ chức thực hiện:

Ban Chỉ đạo quy hoạch và đầu tư xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội chỉ đạo công tác quy hoạch và đầu tư xây dựng, chỉ đạo thực hiện các chương trình, dự án đầu tư cấp vùng; xây dựng cơ chế, giải pháp đặc thù tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội; kiểm tra, đôn đốc các Bộ, ngành và địa phương thực hiện quy hoạch và đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

Bộ Xây dựng chủ trì với Bộ Nội vụ và cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ mô hình quản lý phát triển vùng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Bộ trưởng các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Quốc phòng; Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân các tỉnh: Hà

Tây, Hòa Bình, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hà Nam, Hưng Yên, Hải Dương và các tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng